TÒA ÁN NHÂN DÂN KV6-VL	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 9-9-2025.
V/v tranh chấp "*Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KV6-VL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bút;

Ông Huỳnh Hiếu Trung.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân KV6-VL.

Trong ngày 09 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân KV6-VL xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2025/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 07 năm 2025 về tranh chấp "*Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 08 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh ngày 01/01/1982; CCCD: 096182055046; địa chỉ thường trú: ấp PT, xã PMT, huyện MCB, tỉnh BT (nay là ấp PT, xã PMT, tỉnh VL. Có mặt.

Bị đơn: Ông Lê Văn C, sinh ngày 16/10/1985; CCCD: 083.0852.012.157; địa chỉ thường trú: ấp PT, xã PMT, huyện MCB, tỉnh BT (nay là ấp PT, xã PMT, tỉnh VL). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo khởi kiện đề ngày 09/7/2025, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn C tìm hiểu nhau một thời gian không lâu, sau đó thì bà và ông C tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PMT ngày 12/8/2015. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng yên ấm, hạnh phúc, nhưng chung sống với nhau chẳng được bao lâu thì giữa bà H với ông Lê Văn C bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống, việc cãi vã hầu như diễn ra thường xuyên. Bà H và ông Lê Văn C đã ly thân nhau kể từ năm 2024 cho đến

nay. Cuộc sống hôn nhân hiện tại không như bà H mong muốn mà ngày càng thậm tệ hơn và đi vào bế tắt, không lối thoát, không thể nào cứu vãn được. Bà H với ông Lê Văn C bây giờ chỉ là trên danh nghĩa vợ chồng và cũng chỉ vì trách nhiệm, bổn phận lẫn nhau mới duy trì cho đến nay.

Hiện tại, bà H cũng đã xác định rất rõ không còn tình cảm, không thể nào hàn gắn lại với ông Lê Văn C được nữa. Bà H nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông Lê Văn C không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn C và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Văn C dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn nên xác định đây là vụ án "Ly hôn" được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Bị đơn có nơi cư trú tại ấp PT, xã PMT, huyện MCB, tỉnh BT (nay là ấp PT, xã PMT, tỉnh VL) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân KV6-VL theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn vắng mặt không lý do dù đã được triệu tập hợp lệ, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PMT, huyện MCB, tỉnh BT (nay là xã PMT, tỉnh VL) vào ngày 18 tháng 12 năm 2015. Hôn nhân của bà H và ông C là trên cơ sở tự nguyện, không có sự ép buộc. Ông, bà cũng đã đi đăng ký kết hôn theo đúng qui định của pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà H trình bày thời gian đầu cuộc sống vợ chồng yên ấm, hạnh phúc, chung sống với nhau chẳng được bao lâu thì bà H và ông C phát sinh mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống dẫn đến ly thân từ năm 2024 đến nay và trong thời gian này mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm ai, nhiều lần hòa giải nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng.

Từ đó, cho thấy quan hệ hôn nhân của bà với ông C đã có mâu thuẫn, không thể hàn gắn được. Bởi lẽ, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời ông C đến để tạo điều kiện hòa giải hàn gắn quan hệ hôn nhân của ông bà, nhưng ông C vẫn cố tình vắng mặt không lý do, chứng tỏ ông C không có thiện chí để hòa giải hàn gắn. Điều

đó càng cho thấy, hôn nhân của bà H với ông C đã có sự rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, không hòa giải hàn gắn được nên yêu cầu xin ly hôn của bà H là có cơ sở để chấp nhận theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[3] Về con chung: Nguyên đơn xác định không có, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Nguyên đơn xác định không có, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-BTVQH14 và điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm không phụ thuộc vào việc Tòa chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.*Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (bà Nguyễn Thị H).

Cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lê Văn C.

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị H không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

2. *Về con chung*: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về tài sản và nợ chung*: Bà Nguyễn Thị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000080 ngày 14 tháng 07 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh VL. Như vậy, bà H đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND KV6-VL;
- THADS tỉnh VL;
- Phòng GĐKT,TT&THA TAND tỉnh VL;
- Các đương sự;
- UBND xã PMT, VL;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Hằng